

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07- 8 - 2024

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* ông Lê Văn N, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2.*Bị đơn:* bà Võ Thị Bé B, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của ông Lê Văn N trình bày: Ông và bà Võ Thị B1 Bấy chung sống với nhau từ năm 1996, đến ngày 22/9/2004 đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Long An. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bất đồng ý kiến không hòa hợp nhau và thường cự cãi với nhau nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt, vì vậy

ông và bà B sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 02 con tên là Lê Thị Quế A, sinh năm 1996 và Lê Văn H, sinh ngày 24/01/2004. Nay con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị Bé B: Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng bà B vắng mặt không lý do, nên Tòa án không tổ chức hòa giải được mà chỉ tiến hành công khai chứng cứ theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Ông Lê Văn N và bà Võ Thị Bé B đăng ký kết hôn ngày 22/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp, nay ông N xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Đối với bà Võ Thị Bé B, Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng bà B vắng mặt không lý do; Đồng thời ngày 22/7/2024 ông Lê Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét thấy, sau khi kết hôn ông N và bà B về chung sống tại ấp H, xã N, huyện T, hai bên chung sống hạnh phúc được thời gian dài, cho đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N và bà B tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau, nhưng vì hạnh phúc gia đình và thương con ông N duy trì hôn nhân mà không kết quả, dẫn đến mâu thuẫn tình cảm ngày càng gay gắt hơn, do đó ông N và bà B sống ly thân từ ngày 20/4/2015 đến nay.

[2.2] Đối với bà Võ Thị Bé B, Tòa án niêm yết biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và yêu cầu ly hôn của ông N, nhưng đến nay bà B không có văn bản hay ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông N. Đồng thời bà B vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, từ đó cho thấy mục đích hôn nhân giữa ông N với bà B không đạt được và cuộc sống hai bên không thể kéo dài, vì vậy ông N yêu cầu ly hôn với bà B là có cơ sở.

[3] Về con chung, ông N với bà B có 02 con chung tên Lê Thị Quế A, sinh năm 1996 và Lê Văn H, sinh ngày 24/01/2004. Xét thấy cháu A và cháu H đến nay đã trưởng thành và ông N không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Ông N khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; B không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39 khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn N.

1. Về hôn nhân: Ông Lê Văn N được ly hôn với bà Võ Thị Bé B.

2. Về án phí: Ông Lê Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí của ông N theo biên lai thu số 0003679 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, sang thành án phí.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hoàng